

Số: 43./BC-TNXT

Giao Thủy, ngày 24 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các quyết định phê duyệt danh mục tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi kế hoạch 2024 của Công ty TNHH MTV một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nam Định

Căn cứ Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy; Quyết định 908/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao kế hoạch năm 2024 cho Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy; Quyết định số 3109/QĐ-SNN ngày 30/8/2024 của Sở Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024, phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất tài chính năm 2024 của Công ty.

Công ty TNHH MTV một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định về việc tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi kế hoạch năm 2024 của Công ty như sau:

1. Kết quả thực hiện sửa chữa thường xuyên công trình năm 2024.

- Kinh phí thực hiện /tổng kinh phí theo Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 đến 31/12/2024 là: 13.198.476.000 đồng / 13.378.303.000 đồng (Trong đó nguồn vốn hỗ trợ giá dịch vụ công ích thủy lợi là 12.390.959.000 đồng, nguồn vốn khác là 13.448.000 đồng).

- Công ty đã thực hiện 84/85 công trình theo quyết định phê duyệt danh mục. Trong đó:

+ Công trình không thực hiện (01 công trình) là công trình: Sửa chữa cống cuối CN7-5 tại xã Giao Hà do trùng dự án của xã Giao Hà. Công ty đã báo cáo và đã được

Sở Nông nghiệp phê duyệt theo quyết định số 3109/QĐ-SNN ngày 30/8/2024 của Sở Sở Nông nghiệp&PTNT tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024, phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Công trình chuyển vốn sang năm 2025

- Tổng số vốn còn thiếu chuyển sang năm 2025 là: 794.068.958 đồng. Công ty đã báo cáo và đã được Sở Nông nghiệp phê duyệt theo quyết định số 3109/QĐ-SNN ngày 30/8/2024 của Sở Sở Nông nghiệp&PTNT tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024, phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy. Trong đó:

+ Công trình: Nạo vét kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ cống số 9 đến dốc Tiền Lang) chuyển vốn còn thiếu sang năm 2025 là: 68.911.000 đồng (Tổng mức đầu tư công trình là 679.860.000 đồng. Năm 2023 công trình này mới thực hiện bước thiết kế lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, do không đủ vốn thực hiện nên công ty không thực hiện các bước tiếp theo và xin chuyển sang thi công vào kế hoạch năm 2025)

+ Công trình: Sửa chữa mái kênh Chợ Đê 3-4 tại xã Xuân Thượng chuyển vốn còn thiếu là: 453.418.000 đồng

+ Công trình: Sửa chữa công trình thông nước trên kênh Tàu 2-4 tại xã Xuân Vinh chuyển vốn còn thiếu là: 100.000.000 đồng

+ Công trình: Sửa chữa công trình thông nước đầu VB17-3 tại xã Giao Long chuyển vốn còn thiếu là: 171.739.958 đồng

(Có phụ lục 02 kèm theo)

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Đặng Mạnh Dương

Biểu số 01: Kết quả thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi năm 2024

Nguồn vốn: Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy

A. Kết quả thực hiện các hạng mục theo Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 của Sở NN&PTNT

TT	Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 của Sở NN&PTNT							Thực hiện đến 31/12/2024					Ghi chú
	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài	Tổng kinh phí dự kiến (1.000đồng)	Trong đó		Tình hình thực hiện đến 31/12/2024	Tổng kinh phí đã thực hiện (1.000đồng)	Trong đó			
						Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ (103đ)			Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ, nguồn khác (103đ)	Vốn còn thiếu chuyển sang năm sau (103đ)	
A	Thanh toán các công trình đã thực hiện các năm trước				499.303	499.303	-		167.584	167.584	-	-	
1	Nạo vét kênh Nguyễn Văn Bé (xã Giao Lạc)	Giao Lạc	Nạo vét		150.000	150.000		Hoàn thành					Đã bố trí đủ vốn năm 2023
2	Cửa cống số 8B (Cửa van trên)	Giao Long	Sửa chữa		349.303	349.303		Hoàn thành	167.584	167.584			
B	Công trình thực hiện kế hoạch 2024 (I+II+III+IV)				12.879.000	12.879.000	-		13.030.892	12.223.375	13.448	794.069	
I	Nạo vét kênh				6.468.000	6.468.000	-	-	6.246.934	6.178.023	-	68.911	
1	Cửa cống Hạ Miếu 2	Xuân Thành	Nạo vét	650	200.000	200.000		Hoàn thành	225.579	225.579			
2	Cửa cống Cồn Tư	Hoồng Thuận	Nạo vét	200	160.000	160.000		Hoàn thành	121.373	121.373			
3	Cửa cống Cồn Năm	Giao Thanh	Nạo vét	1.160	350.000	350.000		Hoàn thành	412.307	412.307			
4	Cửa cống Triết Giang B	Bạch Long	Nạo vét	400	442.000	442.000		Hoàn thành	469.801	469.801			
5	Cửa cống Ang Giao Phong	Giao Phong	Nạo vét	800	448.000	448.000		Hoàn thành	445.756	445.756			
6	Cửa cống Tây Cồn Tàu	TT. Quất Lâm	Nạo vét	600	406.000	406.000		Hoàn thành	423.449	423.449			
7	Cửa cống số 8B	Bạch Long	Nạo vét	300	410.000	410.000		Hoàn thành	424.674	424.674			
8	Kênh Mã 7-4	Xuân Thủy	Nạo vét	1.670	200.000	200.000		Hoàn thành	240.248	240.248			
9	Kênh Đồng Nê 2-3	Xuân Ngọc	Nạo vét	600	150.000	150.000		Hoàn thành	194.680	194.680			
10	Kênh Mã (đoạn Phú Thủy)	Phú Thủy	Nạo vét	1.411	200.000	200.000		Hoàn thành	211.380	211.380			
11	Kênh Mã 2-6	Xuân Vinh, Xuân Trường	Nạo vét	683	150.000	150.000		Hoàn thành	102.705	102.705			
12	Kênh Rộc 1 (đoạn giữa)	Xuân Ninh, Xuân Trường	Nạo vét	1.204	210.000	210.000		Hoàn thành	158.713	158.713		-	
13	Kênh TT8	Xuân Vinh, Xuân Trường	Nạo vét	1.131	152.000	152.000		Hoàn thành	193.420	193.420			
14	Kênh Láng 6	Xuân Đài	Nạo vét	2.060	220.000	220.000		Hoàn thành	336.526	336.526			
15	Kênh Láng 12C	Xuân Đài	Nạo vét	395	60.000	60.000		Hoàn thành	43.292	43.292			
16	Kênh Cát Xuyên 11-2	Thọ Nghiệp	Nạo vét	495	68.000	68.000		Hoàn thành	70.725	70.725			
17	Kênh Cát Xuyên 6B	Xuân Phương	Nạo vét	590	60.000	60.000		Hoàn thành	102.220	102.220			

	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài	Tổng kinh phí dự kiến (1.000đồng)	Trong đó		Tình hình thực hiện đến 31/12/2024	Tổng kinh phí đã thực hiện (1.000đồng)	Trong đó			Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ (103đ)			Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ, nguồn khác (103đ)	Vốn còn thiếu chuyển sang năm sau (103đ)	
18	Kênh HT1	Giao An, Giao Thủy	Nạo vét	2.020	450.000	450.000		Hoàn thành	472.508	472.508			
19	Kênh CA1-6	Giao Hương	Nạo vét	1.283	160.000	160.000		Hoàn thành	168.240	168.240			
20	Kênh K3 (đoạn đầu)	Giao An, Giao Thủy	Nạo vét	400	270.000	270.000		Hoàn thành	325.811	325.811			
21	Kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ cống số 9 đến dốc Tiền Lang)	Giao Hải	Nạo vét	500	610.000	610.000		Chưa thi công	68.911	-		68.911	Công trình chuyển sang năm sau thực hiện (đã thiết kế, lập BCKTKT)
22	Kênh Mỹ Tho 4(đoạn cuối)	Giao Nhân, Giao Thủy	Nạo vét	1.066	120.000	120.000		Hoàn thành	124.463	124.463			
23	Kênh CN7D(đoạn đầu)	Giao Hà	Nạo vét	905	90.000	90.000		Hoàn thành	123.538	123.538			
24	Kênh TK1-4	Giao Thịnh, Giao Thủy	Nạo vét	1.632	170.000	170.000		Hoàn thành	189.117	189.117			
25	Kênh Bạch Ra (đoạn Giao Châu giáp Giao Yên)	Giao Châu, Giao Yên	Nạo vét	440	48.000	48.000		Hoàn thành	71.396	71.396			
26	Kênh CG9B (đoạn đầu)	Giao Tân	Nạo vét	355	80.000	80.000		Hoàn thành	31.930	31.930			
27	Kênh Văn Chi	Giao Phong	Nạo vét	410	200.000	200.000		Hoàn thành	117.779	117.779			
28	Kênh Cồn Nhắt 10 (đoạn cuối)	Giao Yên, Giao Thủy	Nạo vét	500	80.000	80.000		Hoàn thành	58.210	58.210			
29	Sông bao khu phía bắc Đồng 3 (đoạn đầu)	Bạch Long	Nạo vét	735	64.000	64.000		Hoàn thành	76.948	76.948			
30	Sông bao khu phía đông Công Đoàn	TT. Quất Lâm	Nạo vét	1.650	160.000	160.000			163.076	163.076			
31	Kênh Chân Đê tuyến 2 Đồng Hiệu (đoạn đầu)	TT. Quất Lâm	Nạo vét	150	80.000	80.000		Hoàn thành	78.159	78.159			
II Xây dúc					4.845.000	4.845.000	-	-	5.000.414	4.275.256	-	725.158	
1	Kênh Chợ Đê 3-4	Xuân Thượng	S/c mái kênh	650	480.000	480.000		Hoàn thành	453.418	-	-	453.418	
2	Bờ hữu mái kênh 50-3-4 (đoạn đầu)	Xuân Phong	Xử lý sạt lở	210	305.000	305.000		Hoàn thành	337.675	337.675			
3	Kênh Ngõ Đông 4 (đoạn 1)	Xuân Phú	S/c mái kênh	460	470.000	470.000		Hoàn thành	453.526	453.526			
4	Bờ tả mái kênh Thanh Quan 2 (đoạn đầu)	Thọ Nghiệp	Xử lý sạt lở	100	200.000	200.000		Hoàn thành	138.015	138.015			
5	Kênh CA21 (đoạn 2)	Giao Xuân	S/c mái kênh	605	490.000	490.000		Hoàn thành	477.756	477.756			
6	Kênh Ngõ Đông 3 (đoạn chửa chính)	Giao Tiến	S/c mái kênh	410	410.000	410.000		Hoàn thành	400.036	400.036			
7	Ván phòng cụm Đồng Nè	Xuân Ngọc	Sửa chữa		100.000	100.000		Hoàn thành	99.474	99.474			

Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài	Tổng kinh phí dự kiến (1.000đồng)	Trong đó		Tình hình thực hiện đến 31/12/2024	Tổng kinh phí đã thực hiện (1.000đồng)	Trong đó			Ghi chú
					Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCD (103đ)			Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCD, nguồn khác (103đ)	Vốn còn thiếu chuyển sang năm sau (103đ)	
8 Công trình thông nước đầu Xuân Châu 3	Xuân Châu	Sửa chữa		120.000	120.000		Hoàn thành	185.502	185.502			
9 Văn phòng cụm Sông Ninh	TT. Xuân Trường	Sửa chữa		105.000	105.000		Hoàn thành	103.146	103.146			
10 Công trình TN trên kênh Tàu 2-4	Xuân Ninh	Sửa chữa		150.000	150.000		Hoàn thành	138.061	38.061		100.000	
11 Công trình thông nước TT10-2	Xuân Vinh	Sửa chữa		100.000	100.000		Hoàn thành	143.295	143.295			
12 Công trình thông nước đầu TT7	Xuân Tiến	Sửa chữa		100.000	100.000		Hoàn thành	133.871	133.871			
13 Tường rào nhà quản lý công Hạ Miếu 2	Xuân Thành	Sửa chữa		200.000	200.000		Hoàn thành	209.501	209.501			
14 Công trình TN trên kênh 50-10	Xuân Thành	Sửa chữa		130.000	130.000		Hoàn thành	134.177	134.177			
15 Nhà quản lý công số 10	Giao Thiện	Sửa chữa		120.000	120.000			186.911	186.911			
16 Công đầu VB4	Giao Thiện	Sửa chữa		70.000	70.000		Hoàn thành	53.326	53.326			
17 Công đập số 4 giữa CA7-2	Giao Thanh	Sửa chữa		50.000	50.000		Hoàn thành	99.033	99.033			
18 Công trình thông nước cuối HT3	Giao An	Sửa chữa		60.000	60.000		Hoàn thành	27.082	27.082			
19 Công trình thông nước đầu VB6	Giao An	Sửa chữa		80.000	80.000		Hoàn thành	76.587	76.587			
20 Công trình thông nước giữa MG3	Giao Hương	Sửa chữa		120.000	120.000		Hoàn thành	133.540	133.540			
21 Đập ngăn giữa CH9-2	Hồng Thuận	Sửa chữa		120.000	120.000		Hoàn thành	124.540	124.540			
22 Công trình TN đầu VB17-3	Giao Long	Sửa chữa		150.000	150.000		Hoàn thành	200.879	29.139		171.740	
23 Cổng cuối CN7-5	Giao Hà	Sửa chữa		30.000	30.000		Không thực hiện	-	-			Không thực hiện do trùng dự án của xã
24 Nhà quản lý công thức Khóa	Giao Thịnh	Sửa chữa		80.000	80.000		Hoàn thành	69.306	69.306			
25 Công trình TN giữa TK 11-2	Giao Tân	Sửa chữa		120.000	120.000		Hoàn thành	154.743	154.743			
26 Cổng cuối Đồng Mầu	Giao Thịnh	Sửa chữa		120.000	120.000		Hoàn thành	130.771	130.771			
27 Công trình TN giữa CG7	Giao Yên	Sửa chữa		150.000	150.000		Hoàn thành	89.669	89.669			
28 Nhà quản lý công Ang Giao Phong	Giao Phong	Sửa chữa		75.000	75.000		Hoàn thành	59.489	59.489			
29 Công trình TN đầu Quất Lâm 1	Quất Lâm	Sửa chữa		140.000	140.000		Hoàn thành	187.085	187.085			
III Cảnh công				1.166.000	1.166.000	-	-	1.231.254	1.231.254	-	-	
1 Cảnh công giữa Tây Khu	Tiến Dũng	Sửa chữa		35.000	35.000		Hoàn thành	32.096	32.096			
2 Cảnh công cuối CD6	Tiến Dũng	Sửa chữa		32.000	32.000		Hoàn thành	23.885	23.885			
3 Cảnh trên phía nam công NĐ b	Xuân Vinh	Sửa chữa		250.000	250.000		Hoàn thành	217.318	217.318			
4 Cảnh công bồi số 4	Xuân Hòa	Sửa chữa		15.000	15.000		Hoàn thành	4.500	4.500			
5 Cảnh công Thanh Quan A,B	Thọ Nghiệp	Sửa chữa		100.000	100.000		Hoàn thành	37.100	37.100			
6 Cảnh công cuối CA1	Giao Hương	Sửa chữa		20.000	20.000		Hoàn thành	22.604	22.604			
7 Trạm bơm CA15	Giao Lạc	Sửa chữa		60.000	60.000		Hoàn thành	22.496	22.496			
8 Cảnh công đầu CA7-2	Giao Thanh	Sửa chữa		25.000	25.000		Hoàn thành	28.067	28.067			

Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài	Tổng kinh phí dự kiến (1.000đồng)	Trong đó		Tình hình thực hiện đến 31/12/2024	Tổng kinh phí đã thực hiện (1.000đồng)	Trong đó			Ghi chú
					Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ (103đ)			Nguồn hỗ trợ tiền sd sản phẩm dịch vụ công ích TL năm 2024 (103đ)	Nguồn vốn hao TSCĐ, nguồn khác (103đ)	Vốn còn thiếu chuyển sang năm sau (103đ)	
9 Cánh cuối VB9	Giao An	Sửa chữa		25.000	25.000		Hoàn thành	27.642	27.642			
10 Cánh cổng đầu CA21-7	Giao Xuân	Sửa chữa		40.000	40.000		Hoàn thành	25.918	25.918			
11 Cánh cổng giữa CA9	Giao Thanh	Sửa chữa		15.000	15.000		Hoàn thành	64.124	64.124			
12 Cánh cổng cuối MG4	Giao Hương	Sửa chữa		13.000	13.000		Hoàn thành	42.350	42.350			
13 Cánh cổng cuối CA21-10	Giao Xuân	Sửa chữa		13.000	13.000		Hoàn thành	31.938	31.938			
14 Cánh cổng giữa HT8	Giao Thanh	Sửa chữa		25.000	25.000		Hoàn thành	6.000	6.000			
15 Cánh cổng số 9 (Cánh trên)	Giao Long	Sửa chữa		350.000	350.000		Hoàn thành	335.622	335.622			
16 Cánh cuối CN7-1	Giao Hà	Sửa chữa		20.000	20.000		Hoàn thành	32.756	32.756			
17 Cánh cuối CN7-7	Giao Hà	Sửa chữa		10.000	10.000		Hoàn thành	20.103	20.103			
18 Cánh cổng Bà Thiêm	Giao Nhân	Sửa chữa		20.000	20.000		Hoàn thành	132.778	132.778			
19 Cánh cổng Long Hải	Giao Hải	Sửa chữa		10.000	10.000		Hoàn thành	15.785	15.785			
20 Cánh cổng cuối CN13C	Giao Châu	Sửa chữa		19.000	19.000		Hoàn thành	33.297	33.297			
21 Cánh cổng cuối CN15	Giao Châu	Sửa chữa		18.000	18.000		Hoàn thành	30.082	30.082			
22 Cánh cổng đập 4 CG2	Hoành Sơn	Sửa chữa		6.000	6.000		Hoàn thành	14.888	14.888			
23 Cánh cổng khu 3B	Giao Phong	Sửa chữa		45.000	45.000		Hoàn thành	29.905	29.905			
IV Sửa chữa thay thế thiết bị tời, cáp, buli ... (cổng, trạm bơm, kênh)	Hệ thống			400.000	400.000		Hoàn thành	552.290	538.842	13.448		Lãi ngân hàng là 13,448 triệu
V Dự phòng sửa chữa				-	-			-	-			
Cộng A +B				13.378.303	13.378.303	-		13.198.476	12.390.959	13.448	794.069	-

Người Lập



Vũ Văn Mạnh

Giao Thanh, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Đặng Mạnh Dương

Biểu số 02: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện danh mục tu bổ, sửa chữa công trình
Nguồn vốn: Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khấu hao TSCĐ
Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy

Đvt: 1.000 đồng

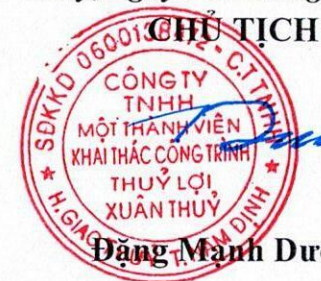
Năm	Tổng kinh phí theo các Thông báo của Sở NN&PTNT	Tổng giá trị khối lượng đã nghiệm thu	Tổng giá trị khối lượng chưa thực hiện so với thông báo của Sở NN&PTNT	Nợ đọng xây dựng cơ bản	Giải pháp xử lý nợ đọng	Ghi chú
2022	17.038.500	16.305.020	733.480	564.763	Chuyển sang kế hoạch năm 2023	Năm 2023 đã xử lý xong nợ đọng
2023	14.813.000	14.572.639	240.361	167.584	Chuyển sang kế hoạch năm 2024	Năm 2024 đã xử lý xong nợ đọng
2024	13.378.303	13.198.476	-	794.069	Chuyển sang kế hoạch năm 2025	
Cộng	45.229.803	44.076.135	973.841	1.526.416	-	

Giao Thủy, ngày 24 Tháng 02 năm 2025

Người Lập



Vũ Văn Mạnh



Đặng Mạnh Dương